

TRẦN
HÀ
KHO

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-39
Phụ lục 1: Chi tiết đối tượng và lý do trích lập dự phòng phải thu khó đòi	40-51
Phụ lục 2: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 của các chi nhánh	52-77

- Hợp đồng vay số 1480LAV201200290/HĐTD ngày 17/05/2012 với giá trị vay là 3.654.276.000 VND, thời hạn vay 4 tháng với lãi suất 17%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng giấy. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tại ngày 31/12/2018, số dư nợ gốc là 3.554.276.000 VND.
- Hợp đồng vay số 1480LAV201200318/HĐTD ngày 31/05/2012 với giá trị vay là 3.694.847.000 VND, thời hạn vay 4 tháng với lãi suất 20,4%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng giấy. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 1480LAV201200397/HĐTD ngày 29/06/2012 với giá trị vay là 3.318.781.000 VND, thời hạn vay 4 tháng với lãi suất 1,5%/tháng. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng giấy. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 1480LAV201200368/HĐTD ngày 22/06/2012 với giá trị vay là 32.175.000.000 VND, thời hạn vay 4 tháng với lãi suất 11%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng sản lát khô xuất khẩu. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 1480LAV201100369/HĐTD ngày 15/06/2011 với giá trị vay là 35 tỷ VND, thời hạn vay 6 tháng cho từng đợt nhận nợ với lãi suất theo từng kế ước vay. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng theo giấy phép kinh doanh của đơn vị. Khoản vay có bảo lãnh vay vốn của công ty TNHH NN 1TV XNK&ĐT Hà Nội, số 38/UQ-CT ngày 23/5/2011.

Các khoản vay trên đang bị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Tây Hà Nội khởi kiện Công ty và Trung tâm Artex Hà Nội về tranh chấp hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng bảo lãnh tại TAND Quận Hoàn Kiếm (chi tiết tại Thuyết minh số 31).

- iv. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1480LAV201100370/HĐTD ngày 15/06/2011 hạn mức vay là 25 tỷ VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo lãnh vay vốn của công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội số 43/UQ-CT ngày 23/5/2011.

Khoản vay đang bị Ngân hàng khởi kiện Công ty và Trung tâm Thương mại và Sản xuất Bao BI Hà Nội về tranh chấp hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng bảo lãnh tại TAND Quận Hoàn Kiếm (chi tiết tại Thuyết minh 31).

- v. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 21/08/2012 hạn mức vay là 40 tỷ đồng cho mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 15%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- vi. Bao gồm các hợp đồng vay:

- Khoản vay ngày 27/11/2013 với tổng giá trị khoản vay là: 36 tỷ VND và phụ lục hợp đồng vay tăng hạn mức tín dụng lên 10 tỷ; sử dụng vào việc đầu tư xây dựng tòa nhà Unimex tại địa chỉ số 41 Ngô Quyền, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội theo quyết định phê duyệt dự án số 275/QĐCT-VP ngày 28/12/2010 của Công ty TNHH NN MTV XNK và ĐT Hà Nội. Thời hạn vay là 96 tháng với lãi suất 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành gắn liền với đất thuê tại địa chỉ số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ADD 493907 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 25/10/2006, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 211113/HN-UNIMEX ngày 27/11/2013. Số dư gốc vay tại 31/12/2018 là 37.556.808.010 VND.
- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 01/HĐTD ngày 28/10/2013 với tổng giá trị khoản vay là: 17.202.428.239 đồng và 972.703.90 USD; sử dụng vào việc cơ cấu thời hạn trả nợ cho các đơn trực thuộc theo các nguồn thu. Thời hạn vay là 60 tháng với lãi suất VNĐ 11%/năm, USD 4%/năm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản trên đất gắn liền với đất thuê 201 Khám Thiên, Đống Đa, Hà Nội, giá trị cổ phần của Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần sự

kiện đảm thực Hapro thuộc sở hữu của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 753.615 USD tương ứng với 17.532.852.975 VND.

- vii. Hợp đồng cung cấp hạn mức giao dịch số 21/08/HĐHM/TCB-GĐ ngày 17/01/2008 và các phụ lục kèm theo với hạn mức 40 tỷ đồng với 3 hợp đồng tín dụng số LD0833208259, LD0833208260 và LD0833288261 ngày 27/11/2008 số tiền lần lượt là 9.354.240.000 VND, 4.969.000.000 VND và 4.969.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản. Thời hạn vay là 6 tháng với lãi suất 16,5%/năm.

Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng xuất khẩu số RP51770 và RP51771 ngày 26/11/2008 hàng hóa 252 tấn cà phê Robusta loại I sàng 16 theo hợp đồng cầm cố số 2121/HĐCC/TCB-GĐ ngày 27/11/2008.

- viii. Vay huy động vốn cá nhân trong công ty, lãi suất 6,9%/năm.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Toàn bộ là chi phí tiền lương trích trước theo bình xét thi đua dựa trên quy định về quỹ lương dự phòng do Doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ lương thực hiện theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty TNHH VND	Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty CP VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	200.000.000.000	270.066.097	21.787.627.637	(38.850.282.536)	183.207.411.198
Lỗ năm trước	-	-	-	(398.224.535.787)	(398.224.535.787)
Tăng khác (*)	-	10.726.754.078	-	136.202.830	10.862.956.908
Giảm khác (**)	-	-	-	(374.432.735)	(374.432.735)
Tại ngày 01/01/2018	200.000.000.000	10.996.820.175	21.787.627.637	(437.313.048.228)	(204.528.600.416)
Lỗ năm nay	-	-	-	(8.897.407.788)	(8.897.407.788)
Giảm khác (**)	-	-	-	(374.432.735)	(374.432.735)
Tại ngày 31/12/2018	200.000.000.000	10.996.820.175	21.787.627.637	(446.584.888.751)	(213.800.440.939)

(*) Phân chênh lệch giữa giá bán cổ phần và mệnh giá ứng với phần vốn nhà nước xác định theo Quyết định số 7015 ngày 09/10/2017.

(**) Tạm phân chia lãi hợp tác kinh doanh khu thương mại cho theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 102/VT-XNK/2003 ngày 26/3/2003 (Thuyết minh 14)

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

	Giấy chứng nhận kinh doanh		Vốn đã góp tại 31/12/2018	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	100.000.000.000	50,00%	100.000.000.000	50,00%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	40.297.000.000	20,15%	40.297.000.000	20,15%
Ngô Văn Sơn	56.726.000.000	28,36%	56.726.000.000	28,36%
Các cổ đông khác	2.977.000.000	1,49%	2.977.000.000	1,49%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, trong đó các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	4.242.830.601	4.465.846.965
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.618.929.091	10.650.414.999
- Trên 5 năm	102.800.297.508	64.585.586.484

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa chỉ các văn phòng và các chi nhánh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tài siện hàng của Nhà

Tại thời điểm 31/12/2018, tại Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Phú Diễn có một số lượng nguyên vật liệu, vật tư nhận gia công bao gồm các loại vải, dây khóa, dây quai, tấm nhựa, da, lưới... dùng để gia công hàng may mặc.

21. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu	95.867.181.086	90.029.294.362
Bán hàng	50.035.157.092	48.436.300.465
Cho thuê bất động sản	33.746.038.763	29.870.278.872
Cung cấp dịch vụ khác	12.085.985.231	11.722.715.025
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	113.850.000
Giảm giá hàng bán	-	113.850.000
Doanh thu thuần	95.867.181.086	89.915.444.362

22. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Bán hàng	46.855.946.712	45.349.419.124
Cho thuê bất động sản	6.196.382.028	5.079.259.842
Cung cấp dịch vụ	7.186.967.097	5.951.383.549
	60.239.295.837	56.380.062.515

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	71.042.328	709.790.801
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	7.122.524	19.336.124
Cổ tức lợi nhuận được chia	382.200.000	409.102.443
Lãi từ bán cổ phần (*)	-	11.215.909.391
	460.364.852	12.354.138.759

(*) Lãi chuyển nhượng 612.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại An Việt.

24. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay (*)	18.396.695.369	19.785.870.558
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.435.535	245.347.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	451.897.875	-
	18.861.028.779	20.031.217.647

(*) Bao gồm chi phí lãi vay ước tính tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Tây Hà Nội tại Trung tâm Artex Hà Nội và Trung tâm Thương mại và Sản xuất Bao bì Hà Nội (Thuyết minh số 17 (iii) (iv)) liên quan đến các vụ kiện ra Tòa (Thuyết minh số 31) với số tiền phát sinh năm 2018 và năm 2017 lần lượt là 12.538.452.131 VND và 12.656.619.350 VND.

25. Chi phí bán hàng

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.381.630.731	1.406.079.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	873.470.064	842.711.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.194.625.595	4.051.566.468
Chi phí bằng tiền khác	310.172.170	117.746.146
	6.759.898.560	6.418.103.752

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.050.365.275	9.643.946.157
Chi phí vật liệu quản lý	970.531.912	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.676.859.605	1.818.676.743
Thuế phí và lệ phí	472.462.529	8.390.468.952
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.485.632.351)	387.557.529.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.293.101.250	9.905.257.394
Chi phí bằng tiền khác	1.205.890.902	549.284.343
	21.183.579.122	417.865.162.703

27. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận trước thuế	(8.897.407.788)	(398.224.535.787)
Các khoản điều chỉnh tăng	896.447.730	526.816.736
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	896.447.730	526.816.736
Các khoản điều chỉnh giảm	(382.200.000)	(409.102.443)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(382.200.000)	(409.102.443)
Thu nhập chịu thuế	(8.383.160.058)	(398.106.821.494)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	-	-

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.897.407.788)	(398.224.535.787)
Các khoản điều chỉnh	374.432.735	374.432.735
- Tạm chia lãi hợp đồng hợp tác đầu tư từ lợi nhuận sau thuế	374.432.735	374.432.735
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.271.840.523)	(398.598.968.522)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-

29. Chi phí theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.002.660.801	121.176.280
Chi phí nhân công	14.705.966.893	14.995.489.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.820.464.392	7.814.400.712
Thuế phí lệ phí	472.462.529	8.390.468.952
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.485.632.351)	387.557.529.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.925.928.839	14.586.656.523
Chi phí bằng tiền khác	1.948.153.776	962.255.613
	41.390.004.879	434.427.976.478

30. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.753.658.754	-	4.602.580.669	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	380.697.162.602	(360.890.608.385)	377.170.940.342	(362.361.240.736)
	385.450.821.356	(360.890.608.385)	381.773.521.011	(362.361.240.736)

Nợ phải trả tài chính

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	206.725.811.329	261.959.067.454
Phải trả người bán, phải trả khác	67.655.450.849	61.368.558.274
Chi phí phải trả	88.899.018.183	89.827.322.227
	363.280.280.361	413.154.947.955

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.753.658.754	-	4.753.658.754
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.806.554.217	-	19.806.554.217
	24.560.212.971	-	24.560.212.971
01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.602.580.669	-	4.602.580.669
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.809.699.606	-	14.809.699.606
	19.412.280.275	-	19.412.280.275

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Vay và nợ	181.044.003.319	25.681.808.010	206.725.811.329
Phải trả người bán, phải trả khác	66.879.059.659	776.391.190	67.655.450.849
Chi phí phải trả	88.899.018.183	-	88.899.018.183
	336.822.081.161	26.458.199.200	363.280.280.361
01/01/2018			
Vay và nợ	228.277.259.444	33.681.808.010	261.959.067.454
Phải trả người bán, phải trả khác	60.592.167.084	776.391.190	61.368.558.274
Chi phí phải trả	89.827.322.227	-	89.827.322.227
	378.696.748.755	34.458.199.200	413.154.947.955

31. Thông tin khác

Công ty đang liên quan các vụ kiện như sau:

Các vụ kiện do Công ty khởi kiện (là nguyên đơn):

Tên bị đơn	Số tiền nợ gốc (VND)	Năm khởi kiện	Lý do	Tình trạng tại 31/12/2018
Công ty CP TMDL và Đầu Tư Phát Triển	27.250.000.000	2015	Đòi bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đã thuê liên quan đến hợp đồng số 101/HĐKT – ĐT.	Hòa giải không thành công
Công ty CP Kim Loại Màu Bắc Hà	6.048.094.508	2015	Đòi bị đơn trả tiền nợ gốc và nợ lãi	Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng ra quyết định số 94/QĐ-CCHADS về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Bắc Hà
Công ty CP Phú Tường GSF	7.382.720.076	2016	Yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Xí nghiệp Thủ Đô số tiền 9.147.166.347 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.	Hiện tại Cục Thi hành án đang thực hiện việc tìm hiểu về tài sản của Công ty CP Phú Tường GSF
Công ty CP KLM Ngọc Sơn	4.977.283.776	2018	Đề nghị bị đơn trả cho Công ty toàn bộ số tiền còn nợ chưa thanh toán liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 04/UNIMEX-NS/2011	Tòa án quận Hoàng Mai mới chỉ nhận hồ sơ, vẫn chưa ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí

Các vụ kiện Công ty đang bị kiện (là bị đơn):

Tên nguyên đơn	Số tiền nợ gốc (VND)	Năm khởi kiện	Lý do	Tình trạng tại 31/12/2018
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	18.640.823.109	2017	Khởi kiện Công ty số tiền bảo lãnh vay vốn cho Trung tâm Thương mại và sản xuất Bao bì Hà Nội liên quan đến hợp đồng vay tại mục (iv) Thuyết minh số 17	Chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	92.564.385.151	2015	Yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho 2 giấy ủy quyền bảo lãnh vay vốn số 38/UQ-CT ngày 20/5/2011 với mức dư nợ tối đa 35 tỷ VND và giấy ủy quyền vay vốn số 07/UQ-CT ngày	Công ty nhận thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của Chi nhánh Artex Hà Nội và Ngân hàng nên chỉ đồng ý chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh một phần. Tính đến

Tên nguyên đơn	Số tiền nợ gốc (VND)	Năm khởi kiện	Lý do	Tình trạng tại 31/12/2018
			5/1/2012 phục vụ xuất khẩu với mức dư nợ tối đa 40 tỷ đồng, tổng số tiền gốc là 75 tỷ đồng; và yêu cầu Trung tâm Artex trả gốc và lãi vay liên quan đến các hợp đồng tại mục (iii) Thuyết minh 17.	31/12/2018, chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án.
Ngân hàng Techcombank Gia Định	18.572.327.667	2011	Yêu cầu Công ty trả số tiền nợ gốc của Hợp đồng chi tiết tại mục (vii) Thuyết minh 17	Chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án

32. Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là buôn bán xuất nhập khẩu và cho thuê văn phòng và tập trung chủ yếu tại văn phòng công ty nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo lĩnh vực kinh doanh.

33. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Thương mại (Hapro)
Ban Tổng Giám đốc

Công ty liên kết
Điều hành Công ty

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	Công ty liên kết	Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000

Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2018 và năm 2017 lần lượt là 1.261.696.465 VND và 1.545.503.000 VND.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán.

Số liệu trên Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 31/12/2017 được trình bày lại một số chỉ tiêu như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Trình bày trên báo cáo năm nay VND (a)	Đã trình bày trên báo cáo năm trước		Chênh lệch VND (a)-(b)	Ghi chú
			VND (b)	VND		
Bảng cân đối kế toán						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	23.577.691.027	132.852.611.487	(109.274.920.460)		
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn	137	(109.274.920.460)	-	(109.274.920.460)		(1)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	9.171.451.653	42.763.882.696	(33.592.431.043)		
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	810.947.007	34.403.378.050	(33.592.431.043)		(2)
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	278.282.608.654	(278.282.608.654)		
3. Dự phòng phải thu dài hạn	219	(278.282.608.654)	-	(278.282.608.654)		(1)
I. Nợ ngắn hạn	310	426.491.794.524	349.489.158.244	77.002.636.280		
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	12.325.344.610	11.346.323.630	979.020.980		(5)
7. Phải trả ngắn hạn khác	315	45.851.382.229	65.333.899.696	(19.482.517.467)		(3)
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	228.277.259.444	132.771.126.677	95.506.132.767		(4)
II. Nợ dài hạn	330	118.884.015.762	195.886.652.042	(77.002.636.280)		
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	84.425.816.562	65.922.320.075	18.503.496.487		(3),(5)
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	33.681.808.010	129.187.940.777	(95.506.132.767)		(4)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(437.313.048.228)	(16.163.088.071)	(421.149.960.157)		
- Lợi nhuận chưa phân phối từ 04/06/2016 đến cuối kỳ trước		(38.850.282.536)	(17.914.470.843)	(20.935.811.693)		(1),(2)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(398.462.765.692)	1.751.382.772	(400.214.148.464)		
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	56.380.062.515	51.300.802.673	5.079.259.842		(6)
7. Chi phí tài chính	24	20.031.217.647	7.374.598.297	12.656.619.350		(2)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	417.865.162.703	35.386.893.431	382.478.269.272		(1),(6)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(398.224.535.787)	1.989.612.677	(400.214.148.464)		

- (1) Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi
(2) Ghi nhận chi phí lãi vay phải trả của Trung tâm ATEX và Trung tâm Thương mại và Sản xuất Bao bì Hà Nội từ trước cổ phần hóa
(3) Phân loại lại khoản Phải trả khác của Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang sang Doanh thu chưa thực hiện
(4) Phân loại lại vay và nợ dài hạn thành ngắn hạn
(5) Phân loại lại Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn
(6) Phân loại lại chi phí khấu hao bất động sản đầu tư

36. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 18 tháng 06 năm 2020.



Nguyễn Ngọc Nghị
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Phụ lục 01: Chi tiết đối tượng và lý do trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty CP Phát triển Thương mại Quốc Tế Thái Bình Dương	2.269.509.187	2.269.509.187	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: khách hàng không liên lạc được, không thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch, hồ sơ không đầy đủ, + Ngày đóng MST 17/9/2018
Công ty CP Phát triển TM Quốc Tế Thái Bình Dương MST 0102027233	7.512.292.710	7.512.292.710	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: khách hàng không liên lạc được, không thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch, hồ sơ không đầy đủ, + Ngày đóng MST 17/9/2018
Công ty Cổ phần TM - DV - SX An Ninh MST:0100668025	103.281.368.960	103.265.368.960	100%	- Năm phát sinh: 2012 Tình trạng; Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện tại Công ty An Ninh đang bị cơ quan CSĐT - Bộ Công An C03 điều tra, xác minh
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hà Nội Vàng	1.272.115.001	1.272.115.001	100%	- Năm phát sinh: 2013 - Tình trạng; đã ngừng hoạt động - Ngày đóng MST 14/9/2015 Doanh nghiệp đã phá sản và bị thu hồi Giấy phép ĐKKD.
Công ty TNHH An Như Sơn MST 0302865497	1.609.673.645	1.609.673.645	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng; đã ngừng hoạt động. + Khách hàng không liên lạc được, không thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch.
Công ty TNHH Kim Nam	9.270.121.768	9.230.121.768	100%	- Năm phát sinh: 2012 Tình trạng; Công ty đang hoạt động, Khách hàng trả nợ nhỏ giọt, không hợp tác ký đối chiếu công nợ.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại dịch vụ sản xuất Long Vân MST 0305478263	2.996.741.944	2.996.741.944	100%	- Năm phát sinh: 2012 Tình trạng; Công ty không còn hoạt động + Chưa đóng MST + Khách hàng không trả nợ, không hợp tác ký đối chiếu công nợ. + Đang bị Cơ quan CSĐT C03 - Bộ Công an điều tra cùng Công ty An Ninh và Công Ty Đặc Nguyên.
Công ty TNHH Sản xuất và Cơ khí Tiến Đạt	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	- Năm phát sinh: 2007 Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm khoản này và hiện tại Bà Hương đang bị tạm giam, có thư giải trình của Bà Hương ngày 16/3/2015.
Công ty TNHH Sản xuất Xốp nhựa và nhựa Thái Hà	852.256.940	842.256.940	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng; NNT đang hoạt động . - Chưa đóng MST Khách hàng trả nợ nhỏ giọt, không hợp tác ký đối chiếu công nợ.
Công ty TNHH Thương mại Đặc Nguyên MST 0300969902	61.743.703.212	61.743.703.212	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: không còn hoạt động . + Hiện tại Công ty Đặc Nguyên đang bị cơ quan CSĐT - Bộ Công An C03 điều tra, xác minh - Khách hàng không trả nợ.
Công ty TNHH Thịnh Phát	7.574.241.900	7.524.241.900	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. + Không liên lạc được, thay đổi địa chỉ giao dịch nhưng không thông báo, không hợp tác làm việc
Xí nghiệp DVSC Bảo hành SAMSUNG	3.328.227.310	3.328.227.310	100%	- Năm phát sinh: 2007 - Tình trạng: đã ngừng hoạt động - Ngày 9/11/2016 đến Cty ĐT giảng võ, bà Phạm Thị Duyên-KTT khẳng định trên sổ sách của Công ty không có số dư nợ phải trả của CN ARTEX.
Công ty CP Năng Lượng Đất Việt Cùng Công ty Cổ Phần Linh Gas Việt Nam + Công ty CP thép	6.672.798.940	6.672.798.940	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. - KH không trả nợ.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Việt Thanh				
Công ty Cổ Phần Linh Gas Việt Nam	6.985.964.522	6.985.964.522	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh.
XI nghiệp giấy Hợp Tiến	268.179.123	268.179.123	100%	- Năm phát sinh: 2009 - Tình trạng: khách hàng đang hoạt động. Chủ doanh nghiệp đã chết. - Khách hàng không có thiện chí trả nợ
Công ty CP thép Việt Thanh MSDN: 2500221272	14.587.724.873	14.587.724.873	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: Không còn hoạt động sản xuất kinh doanh. - Từ năm 2016 đến nay không thanh toán. - Đang khởi kiện tại Tòa dân sự Huyện Mê Linh.
CTy CP Kim Loại Màu Bắc Hà MSDN: 0102424462	5.678.094.508	5.678.094.508	100%	- Năm phát sinh: 2004 - Tình trạng: Không còn hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi cục thi thành án quận Hai Bà Trưng TP Hà Nội đang thi hành án và đã có Quyết định: Chưa đủ điều kiện Thi hành án.
CTY TNHH XNK Mỹ Nghệ Kiên Cường	7.778.843.137	7.778.843.137	100%	- Năm phát sinh: 2005 - Tình trạng: Không còn hoạt động sản xuất kinh doanh. - Công ty Kiên Cường đang thi hành bản án 173 ngày 18/5/2016 trong một vụ án khác.
CTY TNHH XNK Mỹ nghệ Kiên Cường	20.748.344.530	20.733.344.530	100%	- Năm phát sinh: 2008 - Tình trạng: Không còn hoạt động sản xuất kinh doanh. - Tòa Án ND TP HCM đã ra Bản án 173 ngày 18/5/2016 (án đã có hiệu lực pháp luật).
Công ty LD Kỹ Nghệ Gỗ Hàn Việt	716.897	716.897	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Có liên quan đến Ông Nhà - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh từ lâu, Không có hồ sơ chỉ theo dõi trên sổ kế toán.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty TNHH Hoàng Đông	325.564.520	325.564.520	100%	- Phát sinh trước năm: 2004 + Khách hàng đã bỏ trốn. Chi nhánh HCM đã gửi đơn cho Công an An ninh Kinh tế TP, Hà Nội nhưng vẫn chưa giải quyết được. - Không có hồ sơ bản giao. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty TNHH Ngọc Dũng	73.877.440	73.877.440	100%	- Phát sinh trước năm: 2004 - Đây là khoản nợ không tồn tại do CN HCM nhập khẩu nhiều lô hàng bán cho Công ty Ngọc Dũng. Giám đốc Công ty Ngọc Dũng đã dùng nhà của mình làm tài sản thế chấp cho khoản nợ với CN. Nợ vay Ngân hàng đã được trả hết, tài sản đã được ngân hàng giải chấp trả lại cho Công ty Ngọc Dũng nhưng kế toán vẫn để số dư trên sổ sách. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty TNHH R.N.E.T	3.693.600	3.693.600	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Có liên quan đến Ông Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh từ lâu, Không có hồ sơ chỉ theo dõi trên sổ kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty TNHH Tm - DV Phan Lê	421.740.165	421.740.165	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA)

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
				10/11/2016)
Cơ sở Tâm Anh	66.353.302	66.353.302	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Cửa hàng phụ tùng Ô tô Tâm Thủy	234.167.181	234.167.181	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Doanh nghiệp tư nhân Thơ Phương	75.042.301	75.042.301	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
HTX Vận Tải Số 9	161.298.675	161.298.675	100%	- Năm phát sinh 2006 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
				hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Hà Quốc Hùng	4.427.132	4.427.132	100%	- Năm phát sinh 2006 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Phạm Đình Cường	59.757.132	59.757.132	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
XN KD VT & TB Phụ Tùng số 7	61.142.906	61.142.906	100%	- Năm phát sinh 2008 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Đoàn Thị Hiền	120.000.000	120.000.000	100%	- Có liên quan đến Ông Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Năm phát sinh trước 2004

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty TNHH MTV ĐT và PTNN Hà Nội (HADICO)	306.108.613	306.108.613	100%	- Năm 2013 XN Phú diễn ký hợp đồng cho Cty HADICO thuê nhà và mặt bằng để làm chợ tạm Cầu Diễn. - Hiện tại DN đã ngừng hoạt động
Tôn Thất Tài	76.125.000	76.125.000	100%	Đây là khoản công nợ không có thật, theo ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất hóa đơn và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty CP Kim loại màu Ngọc Sơn MST: 0104400796	4.033.759.615	4.033.759.615	100%	- Phát sinh: 2011 - Tình trạng: không còn hoạt động sản xuất kinh doanh, không liên lạc được, không ký đối chiếu công nợ và không hợp tác làm việc. + Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh. + Đã khởi kiện ra Tòa Hoàng Mai, nhưng Tòa chưa thụ lý.
Công ty cổ phần An Ty MSDN: 0103125642	1.776.862.587	1.776.862.587	100%	- Phát sinh: 2012. - Tình trạng: Không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký. + Không ký đối chiếu công nợ, không hợp tác làm việc. + Đã đưa ra cơ quan công an PC45 năm 2013.
Công ty TNHH Đầu tư - Sản xuất An Phú MST 0101190290	5.557.513.096	5.557.513.096	100%	- Phát sinh: 2012. - Tình trạng: đã ngừng hoạt động. + Đóng MST: 14/01/2015. + Không ký đối chiếu công nợ, không hợp tác làm việc. + Đã đưa ra cơ quan công an PC45 năm 2013.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty CP Đầu tư và xuất nhập khẩu Hoàng Mai	-	1.042.838.243	100%	- Năm phát sinh 2012 - Chuyển đổi tương nợ từ Bùi Tuấn Long (832.470.594 đ) và Lê Quang Tiến (210.367.649 đ) sang Cty Hoàng Mai theo Tờ trình ngày 27/8/2018 của các phòng quản lý (đã được phê duyệt)
Công ty CP TM Du lịch và Đầu tư phát triển	26.514.161.714	25.064.161.714	100%	Công nợ quá hạn liên quan đến Hợp đồng số 101/HĐKT - ĐT ngày 01/03/2007 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/04/2008 tổng diện tích thuê là 7.102,59 m2 trong thời gian 50 năm đã quá hạn thanh toán.
Cty TNHH Lam Giang MST: 0101027495	51.365.275	51.365.275	100%	- Phát sinh: 2011 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động. + Đóng MST: 29/3/2017
Cty TNHH TM Kim Ninh Bằng Tường Quảng Tây Trung Quốc	236.369.220	236.369.220	100%	- Phát sinh: 2014. - Đây là khách hàng tại Trung Quốc. - Không liên lạc được, không ký đối chiếu công nợ.
Công ty CP Phú Tường GSF MST/MSDN: 0103682192	9.164.166.347	9.164.166.347	100%	- Phát sinh: 2012 - Tình trạng: Đã khởi kiện ra Tòa và đã có bản án. + Công ty đã đóng cửa. + Hiện nay chưa thi hành án được. + Công ty đang phải thi hành 2 bản án: Phải trả cho Vietcombank là 96 tỷ và Công ty TNHH MTV Quản lý TS của các TCTD VN là 30 tỷ đồng.
Công ty Cổ phần Thép Thuận Phát MSDN:0101269744	5.579.162.433	5.579.162.433	100%	- Phát sinh: 2012. - Tình trạng: Không hợp tác làm việc, không ký đối chiếu công nợ, Công ty đang tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn.
Công ty TNHH Lam Giang	517.189.800	517.189.800	100%	- Phát sinh: 2011 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động. + Đóng MST ngày 29/3/2017

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Bùi Tuấn Long	986.198.860	153.728.266	100%	- Năm phát sinh 2013 - Chuyển đối tượng nợ sang Cty Hoàng Mai số tiền 832.470.594 đ theo Tờ trình ngày 27/8/2018 của các phòng quản lý (đã được phê duyệt). 153,728,266 đ là số nợ ông Long chịu trách nhiệm do liên quan đến hàng tồn kho của công ty Việt Á
Công ty CP TM Du lịch và Đầu tư phát triển	7.417.108.855	7.417.108.855	100%	- Đây là khoản tiền lãi phát sinh khi thuê tòa nhà 05 tầng 172 Ngọc Khánh - Phát sinh: 2010 - Tình trạng: Đang hoạt động, tiền gốc của việc thuê nhà chưa thanh toán hết, đang còn nợ 23 tỷ đồng.
Công ty TNHH Minh Quang	1.172.890.397	1.172.890.397	100%	- Phát sinh: 2012 - Tình trạng: Đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Không ký đối chiếu công nợ, không hợp tác làm việc. + Đây là khoản công nợ có liên quan ông Ngô Thành Nam - Giám đốc Xí Nghiệp Thủ Đô. Theo giải trình của Ông Nam thì đây là khoản lãi phát sinh nhưng không cung cấp được chứng từ kèm theo.
Hàng Sẵn lát	23.406.000.000	23.406.000.000	100%	- Năm phát sinh 2012 - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sẵn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Ngô Thành Nam	1.823.750.000	1.823.750.000	100%	- Năm phát sinh 2013 - Đây là khoản nợ cá nhân. Theo giải trình của Ông Nam thì đây là các khoản nợ của Công ty Minh Quang không xác nhận được nên đã ký giải trình nhận nợ thành công nợ cá nhân nếu không thu hồi được.
Trần Thị Lan Hương	19.345.200.000	19.345.200.000	100%	- Năm phát sinh 2013 - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sẵn lát 11.400.000.000 đồng.
Trần Thị Lan Hương	2.445.109.418	2.445.109.418	100%	
Trần Thị Lan Hương - Cao	2.957.068.800	2.957.068.800	100%	

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Su				(theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Trần Thị Lan Hương	347.263.600	347.263.600	100%	
Công ty CP Đầu tư thương mại quốc tế Đông Dương	1.345.034.140	1.345.034.140	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Công ty Đông Dương, Invescom xác nhận công nợ tại bên bản làm việc ngày 14/11/2016. - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sắn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Công ty Cổ phần đầu tư INVESTCOM	311.875.000	311.875.000	100%	- Năm phát sinh: 2013 - Công ty Đông Dương, Invescom xác nhận công nợ tại bên bản làm việc ngày 14/11/2016. - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sắn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Công ty TNHH Mai Oanh	1.500.000.000	1.500.000.000	100%	- Năm phát sinh 2011 - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sắn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Công ty TNHH Thiện Ân	1.164.239.435	1.164.239.435	100%	- Năm phát sinh 2010 - Tra cứu trên cổng thông tin 25/8/2019 : DN ko hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; chưa đóng MST; - Tuy nhiên khách hàng vẫn sản xuất gia công hạt điều xuất khẩu với tên Công ty Lê Gia, - Khách hàng không thừa nhận số nợ gốc.
Cty TNHH kim khí Thái Bình Dương	373.696.164	258.696.164	100%	- Năm phát sinh: 2010 - DN vẫn đang hoạt động - Hàng tháng DN vẫn trả 10-20 triệu/ tháng
Nguyễn Ngọc Tú	22.500.000	22.500.000	100%	Phát sinh năm 2014-2015: là tiền thuê mặt bằng
Phạm Tuấn Thiện	44.800.000	44.800.000	100%	Phát sinh từ 2014, với nội dung là tiền điện, nước của đơn vị thuê kho tại Hải Phòng. Hiện Công ty không

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
				liên lạc được với khách hàng
Công ty TNHH An Điện	89.114.747	89.114.747	100%	Phát sinh từ 2008, tiền điện nước tại 102 Thái Thịnh. Hiện không liên lạc được với khách hàng
Đỗ Hữu Khai	158.490.032	158.490.032	100%	Phát sinh từ 2005, CBCNV đã nghỉ việc
Công ty CP giám định cà phê và hàng hoá XNK	15.487.699	15.487.699	100%	- Đây là khoản công nợ liên quan đến ông Hà Tiểu Long - Nguyên PGĐ chi nhánh HCM - Ông Long đang thụ lý 12 năm tù từ năm 2013 trong một vụ án khác. - Không có hồ sơ
Công ty Hải Nam	39.224.964	39.224.964	100%	- Có liên quan đến Ông Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh từ lâu, Không có hồ sơ chỉ theo dõi trên sổ kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty Đức Tùng	328.914.521	328.914.521	100%	- Phát sinh: 2005 - Số hàng hóa thiếu hụt trong kho được Công ty tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA) năm 2007 ghi nhận: Biên bản kiểm kê hàng hóa hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2007 không còn lượng hàng trên. Báo cáo kiểm kê hàng tồn kho chỉ thể hiện giá trị chữ không thể hiện mặt hiện vật (số lượng) hàng tồn kho cũng như đánh giá tình trạng thực tế của hàng tồn kho tại thời điểm kiểm kê.
Ngân hàng NNO & PTNT Chi nhánh 4 - TP.HCM	10.589.198	10.589.198	100%	Chênh lệch số dư tài khoản ngân hàng. Đến thời điểm hiện tại thì số dư tài khoản tại Ngân hàng đã được tất toán và số dư bằng 0 đồng từ năm 2009 nhưng trên sổ sách kế toán chưa được xử lý phần chênh lệch 10.589.198 đồng.
Trần Đức Tùng	3.106.486	3.106.486	100%	- Phát sinh năm 2007 - Đây là tiền bảo hiểm của ông Trần Đức Tùng, nguyên Giám đốc CN Hồ Chí Minh - hiện đã tự ý nghỉ

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2018	Số trích lập tại 31/12/2018	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ việc.
Công ty CP Thương Mại và Dịch Vụ Công Nghệ Hà Nội	14.945.398	14.945.398	100%	- Phát sinh năm 2011 - Doanh nghiệp đã ngừng hoạt động
Công ty Hải Nam	12.521.695	12.521.695	100%	- Có liên quan đến Ông Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh năm 2006 (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty LD Kỹ Nghệ Gỗ Hàn Việt	89.328.180	89.328.180	100%	- Có liên quan đến Ông Nhã - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh năm 2005 (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty Luật TNHH Đê Xanh	10.000.000	10.000.000	100%	- Năm phát sinh: 2008 - Đây là khoản nợ liên quan đến việc làm thủ tục chuyển đổi sổ nhà 53 Phan Đình Phùng từ sổ trắng sang sổ hồng theo HĐ thuê tư vấn dịch vụ pháp lý. HĐ chưa thanh lý. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016).
Công ty cổ phần xây dựng và phát triển dịch vụ H&A	29.020.000	29.020.000	100%	- Năm phát sinh: 2017 - Hiện không liên lạc được với khách hàng, tiền thuê địa điểm tại 201 Khâm Thiên
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Nguyễn Thành	21.185.200	21.185.200	100%	- Năm phát sinh: 2016 - Hiện không liên lạc được với khách hàng, tiền thuê địa điểm tại Kiều Ky
Kiều Ngọc Yến	56.567.025	56.567.025	100%	Khoản cho Cán bộ công nhân viên, tạm ứng từ năm 2015, CBCNV đã nghỉ việc
Trần Đức Tùng	122.907.842	122.907.842	100%	Công nợ phát sinh năm 2009, hiện cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc
Hà Tiểu Long	42.624.297	42.624.297	100%	Phát sinh năm 2008. Hiện ông Long đang thi hành án
Tổng cộng	387.557.529.114	386.071.896.763		